

**HOÀN THIỆN ĐIỀU 683 BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015  
TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM CHƯA CÓ LUẬT TƯ PHÁP  
QUỐC TẾ**

**TRẦN THỊ NGUYỆT\***

*Ngày nhận bài: 04/09/2019*

*Ngày phản biện: 14/10/2019*

*Ngày đăng bài: 01/01/2020*

**Tóm tắt:**

Trong bối cảnh Việt Nam chưa có đạo luật Tư pháp quốc tế, Bộ luật Dân sự 2015 vẫn đóng vai trò là luật chung trong việc điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Phần V “Pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài” nói chung và Điều 683 Bộ luật dân sự 2015 nói riêng đã giải quyết được nhiều vấn đề trọng tâm của Tư pháp quốc tế về hợp đồng có yếu tố nước ngoài. Bài viết này tập trung phân tích những vấn đề sau: i. Luật áp dụng cho hợp đồng có yếu tố nước ngoài bao hàm và chứa đựng toàn vẹn nguyên tắc tự do lựa chọn; ii. Trong bối cảnh thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài phát triển như hiện nay, Điều 683 ghi nhận quyền của các bên lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng không phải là một quyền tuyệt đối, nó cũng có những giới hạn hợp lý nhất định, đó là các giới hạn về phạm vi, nội dung pháp luật và hậu quả áp dụng pháp luật nước ngoài; iii. Đánh giá về kỹ thuật lập pháp, Điều 683 mang đặc điểm, tính chất của một quy phạm pháp luật xung đột, được xây dựng trên cơ sở hệ thuộc luật do các bên thỏa thuận lựa chọn. Bên cạnh đó, Điều 683 đã xác định luật áp dụng trong trường hợp các bên của hợp đồng

**Abstract:**

In the context that Vietnam has not yet had a private international law statute, the Civil Code 2015 still plays a role as the general law in regulating civil relations with foreign elements. Part 5 "The law applies to civil relations with foreign elements" in general and Article 683 of the Civil Code 2015 in particular have solved many of the central issues of private international law on contracts with foreign elements. This article focuses on analyzing the following issues: i. The law applies to contracts involving foreign elements that contain the entire principle of party autonomy; ii. In the current context of development of international trade and foreign investment, Article 683, which recognizes the rights of the parties to choose the law applicable to the contract, does not provide for an absolute right; it also has limitations, such as the limits of the scope, content of law and consequences of application of foreign laws; iii. Assessment of legislative techniques, Article 683 has the characteristics and features of a conflict of law rule, built on the basis of a system selected by the parties' agreement. In addition, Article 683 has determined the

---

\* Giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội; Email: hn.moon@yahoo.com.vn

không thỏa thuận chọn luật áp dụng và xác định luật áp dụng đối với hình thức của hợp đồng. Bài viết cũng đánh giá một số bất cập trong các quy định về hợp đồng của Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015.

**Từ khóa:**

Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015, Luật áp dụng, hợp đồng, lựa chọn luật, thỏa thuận chọn luật.

applicable law in case the parties to the contract do not agree to select the applicable law and determine the law applicable to the form of the contract. The article also reviews some of the shortcomings in the contract regulations of Article 683 of the Civil Code 2015.

**Keywords:**

Article 683 Civil Code 2015, Applicable law, Contract, Choice the law, Agreement to choose the law.

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

Chưa có đạo luật Tư pháp quốc tế, Việt Nam vẫn duy trì vai trò luật chung của Bộ luật Dân sự 2015 trong việc điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài (cùng với quy phạm xung đột trong các văn bản pháp luật chuyên ngành) hiện vẫn còn là giải pháp phù hợp nhất cho Việt Nam trong giai đoạn hiện tại. Trong bối cảnh đó, phần V “Pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài” mà các quy định về hợp đồng - hình thức pháp lý căn bản nhất của quan hệ pháp luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân tại Điều 683 được đánh giá là một sự thay đổi lớn, quan trọng và là một sự tiến bộ rất có giá trị trong lập pháp. Nói cách khác, một trong những thay đổi lớn và quan trọng của Bộ luật dân sự 2015 khi quy định về pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài tựu trung ở Điều 683. Đây là nơi thể hiện rõ nhất nguyên tắc xác định luật áp dụng điều chỉnh quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài (sau đây gọi tắt là “hợp đồng”). Sự thay đổi và tiến bộ này không chỉ về cấu trúc điều luật mà cả về nội dung pháp lý. Có thể nói, Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 đã xây dựng thành công nguyên tắc xác định luật áp dụng đối với cả hình thức và nội dung của hợp đồng, tạo tiền đề tốt đẹp cho việc xây dựng đạo luật Tư pháp quốc tế trong tương lai.

**1. Về Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015**

Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 bao gồm 7 khoản quy định khá chi tiết về các nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật trong trường hợp các bên thỏa thuận chọn luật áp dụng (Khoản 1, 4, 5, 6) và trường hợp các bên không thỏa thuận chọn luật áp dụng (Khoản 1, 2). Về hình thức hợp đồng, Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 cũng đã xây dựng nguyên tắc xác định luật áp dụng đối với hình thức của hợp đồng tại khoản 7 với nội dung mới: “Hình thức của hợp đồng được xác định theo pháp luật áp dụng đối với hợp đồng đó. Trường hợp hình thức của hợp đồng không phù hợp với hình thức hợp đồng theo pháp luật áp dụng đối với hợp đồng đó, nhưng phù hợp với hình thức hợp đồng theo pháp luật của nước nơi giao kết hợp đồng hoặc

pháp luật Việt Nam thì hình thức hợp đồng đó được công nhận tại Việt Nam” (Khoản 7) theo hướng hoàn thiện hơn.

## **2. Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 đã giải quyết rất tốt các vấn đề cơ bản sau**

### ***2.1. Luật áp dụng cho hợp đồng có yếu tố nước ngoài bao hàm, chứa đựng toàn vẹn nguyên tắc tự do lựa chọn***

Trong quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài, việc cho phép các bên tự do lựa chọn pháp luật áp dụng là một quy định rất quan trọng, được thừa nhận rộng rãi trên thế giới trong các điều ước quốc tế cũng như trong các đạo luật quốc gia. Ở Việt Nam trước đây, khả năng tự do lựa chọn pháp luật áp dụng cho quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài chưa được nêu thành nguyên tắc chung. Thật vậy, nhìn lại quá khứ, chúng ta thấy có quy định “quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được xác định theo pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng, nếu không có thỏa thuận khác” (Điều 769 Bộ luật Dân sự 2005). Việc xác định nơi thực hiện hợp đồng là khá khó khăn và phức tạp. Một hợp đồng (đặc biệt là hợp đồng kinh doanh quốc tế) có rất nhiều nghĩa vụ. Lại có những nghĩa vụ liên quan tới người thứ ba (như người vận chuyển, người bảo hiểm, người thanh toán quốc tế...), thì việc xác định nơi thực hiện hợp đồng, nơi thực hiện nghĩa vụ của những người ấy có ảnh hưởng trực tiếp tới thực hiện nghĩa vụ hợp đồng của chủ thể. Có những nghĩa vụ hợp đồng việc xác định nơi thực hiện nó là quá khó khăn và không cần thiết đối với doanh nhân, khi mà mục tiêu chính của họ là tìm kiếm lợi ích trong các hợp đồng kinh doanh có yếu tố quốc tế. Chính vì sự khó khăn và phức tạp, cho nên các bên thường không dẫn chiếu và sử dụng hệ thuộc luật này trong hợp đồng của mình. Trong bối cảnh thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài phát triển như hiện nay, một cải cách quan trọng trong lập pháp mà Điều 683 làm được đó là ghi nhận “các bên trong quan hệ hợp đồng được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng ...” (Khoản 1 Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015). Các bên cũng có thể thỏa thuận thay đổi pháp luật áp dụng đối với hợp đồng với điều kiện việc thay đổi đó “không được ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba trừ trường hợp người thứ ba đồng ý” (Khoản 6 Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015). Như vậy, chúng ta thấy rõ giá trị của Điều 683 trong thực thi, thực hiện pháp luật đó là: cứ là hợp đồng có yếu tố nước ngoài là các bên được quyền tự do lựa chọn pháp luật áp dụng mà không cần phải phân biệt đó là hợp đồng gì: hợp đồng dân sự hay hợp đồng thương mại, hợp đồng mua bán hàng hóa hay hợp đồng cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp ở vào một trong những giới hạn của quyền lựa chọn luật áp dụng dưới đây.

### ***2.2. Những giới hạn của quyền lựa chọn luật áp dụng***

Cũng giống như mọi quyền dân sự khác, quyền của các bên lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng cũng được Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 ghi nhận không phải là một quyền tuyệt đối, và đó cũng là một quyền có những giới hạn hợp lý nhất định. Đó là các giới hạn về phạm vi, nội dung pháp luật và hậu quả áp dụng pháp luật nước ngoài.

- Về giới hạn về phạm vi hợp đồng có đối tượng là bất động sản:

Điều 683 Khoản 4 đã nêu bật giới hạn về phạm vi đó là hợp đồng có đối tượng là bất động sản. Theo đó, khi hợp đồng có đối tượng là bất động sản thì “Pháp luật áp dụng đối với việc chuyển giao quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản bất động sản, thuê bất động sản hoặc việc sử dụng bất động sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là pháp luật của nước nơi có bất động sản”. Nói một cách khác, các bên trong hợp đồng không có quyền lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng có đối tượng của hợp đồng là bất động sản, đây là một quy định hợp lý và phù hợp với Tư pháp quốc tế của các nước.

- Về giới hạn về nội dung pháp luật: Hợp đồng lao động và hợp đồng tiêu dùng:

Trong thực tế, hợp đồng lao động và hợp đồng tiêu dùng có bản chất là hợp đồng gia nhập. (Hợp đồng gia nhập thực chất là hợp đồng theo mẫu hoặc hợp đồng hàng loạt, do một bên đơn phương soạn sẵn, bên kia mặc nhiên chấp nhận nó khi tham gia hợp đồng). Người lao động và người tiêu dùng hầu như không có cơ hội để đàm phán các nội dung của hợp đồng. Khi được trao quyền lựa chọn pháp luật, bên đề nghị giao kết hợp đồng (mà thường là người sử dụng lao động và bên chuyên nghiệp có nhiều thông tin và kinh nghiệm hơn), họ sẽ có xu hướng là đưa vào trong hợp đồng điều khoản lựa chọn áp dụng hệ thống pháp luật có lợi nhất cho mình, ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của người lao động, người tiêu dùng. Để khắc phục thực trạng này, khoản 5 Điều 683 đã làm được điều đó. Theo đó, “trường hợp pháp luật do các bên lựa chọn trong hợp đồng lao động, hợp đồng tiêu dùng ảnh hưởng đến quyền lợi tối thiểu của người lao động, người tiêu dùng theo quy định của pháp luật Việt Nam thì pháp luật Việt Nam được áp dụng”. Theo chúng tôi, giới hạn về nội dung pháp luật trên đây là giới hạn hợp lý, tích cực, nhân văn và phù hợp, tương thích với quy định pháp luật của các nước. Bởi trong thực tiễn, các doanh nghiệp, các nhà cung ứng hàng hóa, dịch vụ có nguy cơ và khả năng ngày càng lạm dụng vị thế của mình để sử dụng ngày càng nhiều dạng hợp đồng theo mẫu hoặc lựa chọn những nguồn luật với những nội dung hay điều khoản không có lợi cho người tiêu dùng, người lao động, nhất là trong bối cảnh hiệu quả và hiệu lực của công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng còn nhiều điều đáng phải bàn như ở Việt Nam hiện nay. Do vậy, việc quy định dẫn chiếu về áp dụng pháp luật Việt Nam trong trường hợp cần phải bảo vệ người lao động, người tiêu dùng khi mà họ bị ảnh hưởng đến quyền lợi tối thiểu là một sự giới hạn tích cực và hợp lý. Tham khảo kinh nghiệm thế giới, chúng ta thấy, ngay cả các quốc gia phát triển: Pháp, Canada, Nhật, Mỹ,... là các nước đã đưa khái niệm “hợp đồng gia nhập” vào pháp luật và các nước công tác bảo vệ người tiêu dùng rất xuất sắc như EU, Nhật, Anh, Pháp,... cũng thiết lập giới hạn này nhằm bảo hộ các quyền lợi chính đáng của người lao động hay người tiêu dùng của họ.

- Giới hạn về hậu quả áp dụng pháp luật nước ngoài và chứng minh pháp luật nước ngoài. Giới hạn này không nằm trong khuôn khổ hình thức của Điều 683 nhưng giá trị nội dung tư tưởng và yếu tố thực định của nó vẫn là sự tiếp nối, liên hệ với Điều 683. Pháp luật

nước ngoài do các bên lựa chọn cũng sẽ không được áp dụng khi hậu quả của việc áp dụng pháp luật đó trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, hoặc không chứng minh được nội dung pháp luật nước ngoài.

### 2.3. Về kỹ thuật lập pháp (quy phạm pháp luật xung đột)

Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 khẳng định nguyên tắc quyền tự do thỏa thuận chọn luật áp dụng của các bên trong quan hệ hợp đồng. Khoản 1 Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 đã khẳng định và thừa nhận nguyên tắc quyền tự do thỏa thuận chọn luật áp dụng của các bên trong quan hệ hợp đồng: “Các bên trong quan hệ hợp đồng được thỏa thuận lựa chọn luật áp dụng đối với hợp đồng, trừ trường hợp ...”. Về kỹ thuật lập pháp, khoản 1 Điều 683 này có tính chất là một quy phạm pháp luật xung đột, được xây dựng trên cơ sở hệ thuộc “luật do các bên thỏa thuận - Lex Voluntatis”, với vai trò là một nguyên tắc xác định luật áp dụng điều chỉnh các vấn đề về nội dung hợp đồng. Khác với vấn đề hình thức của hợp đồng, nội dung của hợp đồng là *toàn bộ sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng*, dù các thỏa thuận đó được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào. Ngay từ thời điểm giao kết các hợp đồng có tính chất quốc tế, việc xác định luật áp dụng đối với nội dung của hợp đồng đã được đặt ra, nhằm xác định một cơ sở pháp lý cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng. Đặc biệt, khi tranh chấp hợp đồng phát sinh, việc xác định luật áp dụng giải quyết nội dung tranh chấp phát sinh cũng đóng vai trò quan trọng vì phần lớn các tranh chấp cũng đều liên quan đến nội dung của hợp đồng, chứ hiếm thấy các tranh chấp liên quan đến hình thức của hợp đồng (đó thường là các tranh chấp liên quan đến việc thực hiện tiến độ hợp đồng, thực hiện các quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên, tinh thần thiện chí, hợp tác cùng có lợi...). Lúc này, rất cần xác định luật áp dụng để giải quyết các tranh chấp đó. Giá trị thành công rất lớn của khoản 1 Điều 683 là ở chỗ, đã xây dựng được nguyên tắc xác định luật áp dụng điều chỉnh các vấn đề pháp lý thuộc nội dung của hợp đồng, trước hết phải dựa trên nền tảng của nguyên tắc tự do ý chí - Principle of party autonomy. Đây là nguyên tắc chủ đạo được ghi nhận trong hầu hết các hệ thống pháp luật, đặc biệt trong lĩnh vực hợp đồng. Ví dụ như, Bộ nguyên tắc Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế 2004 quy định về tự do hợp đồng<sup>1</sup> tại Điều 1.1; nguyên tắc của Luật Hợp đồng châu Âu (PECL) tại Điều 1.02...

Có thể thấy, cơ sở của nguyên tắc tự do ý chí dựa trên tư tưởng thừa nhận ý chí của con người là tối thượng và tự chủ, chỉ có hành vi xuất phát từ con người mới có hiệu lực ràng buộc đối với người đó. Một hợp đồng sẽ được cho là công bằng nếu các bên cho là công bằng. Công lý hay công bằng chỉ là quy ước. Mỗi bên tham gia hợp đồng nhằm thỏa mãn những lợi ích riêng của mình trong phạm vi phù hợp với lợi ích chung<sup>2</sup>. Như vậy, về bản chất, thỏa thuận của các bên trong quan hệ hợp đồng này có tính chất là “luật của các bên” và là cơ sở để đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ giải quyết tranh chấp có thể phát sinh. Trong thực tiễn,

---

<sup>1</sup> <http://tailieuxnk.com>, “Bộ nguyên tắc Unidroit về Hợp đồng thương mại quốc tế 2004”.

<sup>2</sup> Ngô Huy Cương (2008), “Tự do ý chí và sự tiếp cận tự do ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 115, tháng 2.

các bên có thể lựa chọn luật áp dụng một cách trực tiếp nội dung các điều khoản hợp đồng hoặc gián tiếp thông qua việc soạn thảo một điều khoản hợp đồng về chọn luật áp dụng cho hợp đồng (gọi là điều khoản law application). Mục đích của điều khoản này là nhằm dẫn chiếu đến một hệ thống pháp luật nhất định là luật áp dụng điều chỉnh hợp đồng để bổ sung cho việc hợp đồng quy định còn khuyết thiếu, không đầy đủ. Tuy nhiên, Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 vẫn còn bộc lộ một số vấn đề chưa rõ ràng như: Về phạm vi của luật do các bên được thỏa thuận là luật gì? Liệu rằng, các bên có bị giới hạn chỉ được lựa chọn những quy định do pháp luật quốc gia mà các Nhà nước ban hành hay không? Chẳng hạn như các bên có thể được lựa chọn những loại luật nào là luật áp dụng? Có thể chọn các Điều ước quốc tế hay không? Có thể chọn các tập quán quốc tế hay không? Luật được lựa chọn có bị giới hạn bởi bất cứ lý do nào không...? Khoản 1 Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 chưa có quy định rõ, nhưng cũng đồng thời không có quy định nào cấm lựa chọn các loại nguồn luật điều chỉnh hợp đồng<sup>3</sup>. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần lưu ý một số quy định tại Điều 665 về áp dụng Điều ước quốc tế<sup>4</sup>; Điều 666 Bộ luật Dân sự 2015 về áp dụng Tập quán quốc tế<sup>5</sup>; Điều 670 Bộ luật Dân sự 2015 về những trường hợp không áp dụng pháp luật nước ngoài<sup>6</sup>. Đây là những quy định chỉ rõ các nguyên tắc xác định luật áp dụng điều chỉnh các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài nói chung và đối với các quan hệ hợp đồng có thể hiện việc thỏa thuận lựa chọn luật áp dụng của các bên trong hợp đồng cũng phải dựa trên các quy định của các Điều 665, 666, 670 Bộ luật Dân sự 2015. Theo đó, pháp luật do các bên thỏa thuận sẽ không được chấp nhận nếu hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Như vậy, khoản 1 Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 trong quá trình thực thi, chúng tôi đánh giá là đã có rất nhiều tiến bộ vượt bậc trong việc khẳng định quyền tự do ý chí một cách trực tiếp như một quyền cơ bản của các bên trong hợp đồng, phù hợp với bản chất quan hệ hợp đồng là tự do thỏa thuận. Đồng thời, cũng phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế

<sup>3</sup> Bùi Thị Thu (2015), “Một số kiến nghị hoàn thiện quy định về xác định luật áp dụng điều chỉnh nội dung hợp đồng quốc tế trong dự thảo Bộ luật Dân sự 2015”, *Tạp chí Khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội*, số 11.

<sup>4</sup> Điều 665 Bộ luật Dân sự 2015: “1. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài thì quy định của điều ước quốc tế đó được áp dụng.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Phần này và luật khác về pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài thì quy định của điều ước quốc tế đó được áp dụng”.

<sup>5</sup> Điều 666 Bộ luật Dân sự 2015: “Các bên được lựa chọn tập quán quốc tế trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 664 của Bộ luật này. Nếu hậu quả của việc áp dụng tập quán quốc tế đó trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam thì pháp luật Việt Nam được áp dụng”.

<sup>6</sup> Điều 670 Bộ luật Dân sự 2015: “1. Pháp luật nước ngoài được dẫn chiếu đến không được áp dụng trong trường hợp sau đây:

a) Hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.  
b) Nội dung của pháp luật nước ngoài không xác định được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng.  
2. Trường hợp pháp luật nước ngoài không được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này thì pháp luật Việt Nam được áp dụng”.

nư Quy định Rome 1 về luật áp dụng đối với quan hệ nghĩa vụ hợp đồng và phù hợp với quy định của Tư pháp quốc tế các nước. Quyền tự do ý chí chỉ bị hạn chế nếu trái trật tự công hoặc trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Mặc dù chưa có một giải thích chính thức về khái niệm trật tự công hay khái niệm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là gì, cho nên quy định này sẽ được giải thích và áp dụng bởi Tòa án trong hoạt động thực tiễn xét xử<sup>7</sup>.

### **3. Trường hợp các bên không thỏa thuận chọn luật áp dụng**

Bên cạnh việc thừa nhận quyền tự do thỏa thuận lựa chọn luật áp dụng đối với hợp đồng có yếu tố nước ngoài thì Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 cũng đã xây dựng được một nguyên tắc quan trọng giải quyết xung đột pháp luật trong trường hợp các bên thỏa thuận không chọn luật áp dụng đối với hợp đồng. Theo đó, “trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì pháp luật của nước có mối liên hệ gắn bó nhất với hợp đồng đó được áp dụng” (Khoản 1 Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015). Chúng tôi đánh giá đây là một trong những tiến bộ quan trọng nhất của Tư pháp quốc tế Việt Nam khi lần đầu tiên Tư pháp quốc tế Việt Nam đưa nguyên tắc “Luật có mối quan hệ gắn bó nhất” vào luật. Có thể nói, bằng hệ thuộc “pháp luật của nước có mối liên hệ gắn bó nhất với hợp đồng” được áp dụng cho phạm vi “các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng” trong hợp đồng của mình. Bộ luật Dân sự 2015 - nguồn cơ bản, quan trọng nhất của Tư pháp quốc tế Việt Nam, đã xây dựng được một nguyên tắc ứng xử quan trọng giải quyết xung đột pháp luật trong trường hợp các bên không thỏa thuận chọn luật áp dụng đối với hợp đồng. Và đây cũng là lần đầu tiên hệ thuộc luật này xuất hiện và được ghi nhận trong nguồn của Tư pháp quốc tế Việt Nam<sup>8</sup>, bên cạnh và song hành cùng các hệ thuộc luật quan trọng và cơ bản khác của đời sống Tư pháp quốc tế. Như vậy, việc áp dụng pháp luật nước ngoài cho hợp đồng là một điều tất yếu, khi quy phạm pháp luật xung đột thông thường dẫn chiếu đến, khi quy phạm pháp luật xung đột thông nhất dẫn chiếu đến, khi các bên trong hợp đồng không thỏa thuận lựa chọn luật áp dụng khiến cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ xác định luật áp dụng cho hợp đồng là luật có mối liên hệ gắn bó nhất<sup>9</sup>.

### **4. Xác định luật áp dụng đối với hình thức của hợp đồng**

Như chúng ta đã biết, để một hợp đồng được công nhận hiệu lực pháp lý thì hợp đồng đó phải được thể hiện dưới một hình thức nhất định. Đây là điều kiện bắt buộc trong pháp luật của mỗi quốc gia đối với hợp đồng mà không phụ thuộc vào ý chí của các bên. Trong các hợp đồng có yếu tố nước ngoài, việc xác định hiệu lực hình thức hợp đồng cũng được đặt ra. Với

---

<sup>7</sup> Bùi Thị Thu (2009), “Vấn đề bảo lưu trật tự công trong Tư pháp quốc tế Việt Nam”, *Sách chuyên khảo Pháp luật Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, Nxb Công an nhân dân, tr.847.

<sup>8</sup> Trần Thị Nguyệt (2018), “Khi các bên trong hợp đồng không thỏa thuận chọn luật áp dụng”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 257 (II), tháng 11, tr.71.

<sup>9</sup> Trần Thị Nguyệt (2018), “Về vấn đề áp dụng pháp luật nước ngoài và xác định nội dung pháp luật nước ngoài ở Việt Nam hiện nay”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia Pháp luật kinh doanh trong điều kiện hội nhập*, Hà Nội, tháng 11, tr.218.

mục đích đảm bảo cho các giao dịch hợp đồng không thể bị vô hiệu về hình thức vì lý do xung đột pháp luật về hình thức hợp đồng, Điều 683 đã có bước tiến mới theo xu hướng mở rộng nguyên tắc xác định luật áp dụng đối với hình thức hợp đồng. Tại khoản 7 Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 đã quy định mở rộng việc công nhận hiệu lực hình thức hợp đồng, theo đó, hợp đồng được coi là có hiệu lực pháp lý tại Việt Nam nếu phù hợp với một trong các hệ thống pháp luật sau: i) Pháp luật áp dụng đối với chính hợp đồng đó; ii) Pháp luật của nước nơi giao kết hợp đồng; iii) Pháp luật Việt Nam. Như vậy, Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 đã mở rộng thêm nguyên tắc xác định luật áp dụng đối với hình thức hợp đồng thành một nguyên tắc thống nhất chung là hình thức hợp đồng có thể được công nhận có hiệu lực nếu phù hợp với “pháp luật áp dụng đối với hợp đồng”. Đây là một bước tiến mới của công tác lập pháp, theo xu thế xác định hiệu lực hình thức hợp đồng rất rộng. Quy định này sẽ mở rộng khả năng công nhận các hợp đồng có yếu tố nước ngoài theo bất cứ luật nào áp dụng đối với hợp đồng.

Mặc dù vậy, khoản 7 Điều 683 cũng tiềm ẩn các vấn đề pháp lý phức tạp khi quy định hình thức hợp đồng phù hợp với “pháp luật áp dụng đối với hợp đồng”. Bởi vì, một câu hỏi được đặt ra tiếp theo: i) Thế nào là pháp luật áp dụng đối với hợp đồng? ii) Hợp đồng chịu sự điều chỉnh của những luật nào? iii) Liệu luật áp dụng đối với hợp đồng có được hiểu chính là luật áp dụng đối với nội dung hợp đồng hay không? iv) Đó là luật do các bên thỏa thuận, hay là luật có mối quan hệ gắn bó nhất? Nhà lập pháp cần có sự giải thích khi đưa ra quy định này. Theo chúng tôi thì “hình thức của hợp đồng được xác định theo pháp luật áp dụng đối với hợp đồng đó” (Khoản 7). Việc xác định luật áp dụng đối với hình thức hợp đồng nên được hiểu là “luật có mối liên hệ gắn bó nhất” với hợp đồng, vì đây vẫn đảm bảo dựa trên các quy định chung của Tư pháp quốc tế và phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn. “Trường hợp hình thức của hợp đồng không phù hợp với hình thức hợp đồng theo pháp luật áp dụng đối với hợp đồng đó, nhưng phù hợp với hình thức hợp đồng theo pháp luật của nước nơi giao kết hợp đồng hoặc pháp luật Việt Nam thì hình thức hợp đồng đó được công nhận tại Việt Nam”.

Một điều cần chú ý là bên cạnh các quy định của khoản 7 Điều 683, thì hiện nay các quy định về hiệu lực hình thức hợp đồng có yếu tố nước ngoài còn được quy định trong một số luật chuyên ngành. Tính chất các quy định trong các văn bản này là các quy phạm thực chất thông thường, theo đó hình thức hợp đồng có yếu tố nước ngoài nếu được giao kết tại Việt Nam phải được lập thành văn bản mới có hiệu lực pháp lý. Ví dụ như các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng nhượng quyền thương mại, hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ có yếu tố nước ngoài,... đều phải được lập thành văn bản và các hình thức có giá trị tương đương mới được công nhận hiệu lực về hình thức tại Việt Nam. Nguyên tắc này cũng phù hợp với luật áp dụng điều chỉnh hợp đồng, tăng khả năng dự đoán, tính chắc chắn trong việc xác định luật áp dụng điều chỉnh hợp đồng. Sau khi gia nhập Công ước Viên 1980, Việt Nam cũng đã tuyên bố bảo lưu các quy định về hình thức hợp đồng, điều đó có nghĩa các quy định về hình thức hợp đồng của Công ước Viên trong Điều 11, 96 sẽ không áp dụng tại Việt Nam<sup>10</sup>.

---

<sup>10</sup> Nguyễn Minh Hằng (2006), “Một vài suy nghĩ về việc áp dụng Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế”, *Báo Diễn đàn doanh nghiệp*, số 11, 12.

## 5. Đánh giá một số bất cập trong các quy định về hợp đồng trong Bộ luật Dân sự 2015

Mặc dù đã đạt được những tiến bộ đáng kể, nhưng Điều 683 Bộ luật Dân sự 2015 về hợp đồng vẫn còn tồn tại một số vấn đề cơ bản sau:

*Thứ nhất*, việc công nhận quyền tự do thỏa thuận chọn luật trong hợp đồng vẫn là quy định mang tính chất nguyên tắc chung như một loại quyền, và giới hạn việc thỏa thuận đó phải theo quy định của điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam. Quy định này cũng chưa làm rõ luật do các bên thỏa thuận lựa chọn có thể được hiểu là chính các điều khoản hợp đồng cụ thể do các bên soạn thảo phù hợp với pháp luật hay không? Hay chỉ được chọn các quy định do pháp luật nhà nước xây dựng hoặc thừa nhận? Theo cách hiểu truyền thống chọn “luật”, tức là chọn pháp luật. Nhưng những điều khoản mà các bên xây dựng nên, hoặc hợp đồng mẫu, hoặc tập quán quốc tế phù hợp,... nếu không trái với các quy định của pháp luật trong thực tiễn vẫn là những “chất liệu” tốt và phù hợp khiến các doanh nhân mong muốn sử dụng. Đồng thời, pháp luật Việt Nam hiện cũng chưa có quy định đảm bảo và thực hiện quyền, chưa chỉ rõ phạm vi của luật do các bên lựa chọn sẽ được áp dụng để giải quyết những vấn đề gì, ví dụ như luật do các bên thỏa thuận có thể được áp dụng để giải quyết tất cả các vấn đề về hình thức hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên, hủy hợp đồng, hợp đồng vô hiệu, giải thích hợp đồng, thời hiệu,... hay không, Điều 683 hiện vẫn chưa làm rõ.

*Thứ hai*, pháp luật Việt Nam cũng chưa có quy định vấn đề hình thức của sự thỏa thuận được xác định như thế nào? Các bên phải thể hiện ý chí một cách rõ ràng (clearly) thông qua điều khoản chọn luật áp dụng trong hợp đồng (Application Law clause), trong trường hợp không có điều khoản này, liệu có công nhận ý chí ngầm của các bên trong việc thỏa thuận chọn luật áp dụng hay không? Ví dụ, thực tiễn các nước có thể thông qua việc lựa chọn tòa án, sự không từ chối thẩm quyền hoặc pháp luật của một bên,... sẽ được hiểu là căn cứ để xác định việc lựa chọn luật áp dụng, đây được giải thích là ý chí gián tiếp (ngầm định) trong việc chọn luật áp dụng.

*Thứ ba*, pháp luật Việt Nam cũng chưa có quy định liệu các bên có quyền đồng thời thỏa thuận nhiều luật áp dụng trong một hợp đồng hay không? Trong thực tiễn các hợp đồng thương mại quốc tế khá phức tạp, có thể được thực hiện toàn bộ hoặc từng phần ở nhiều quốc gia khác nhau, liên quan đến nhiều loại nghĩa vụ khác nhau. Do vậy, trong một hợp đồng các bên có thể lựa chọn nhiều loại luật khác nhau đối với mỗi phần nghĩa vụ cụ thể, ví dụ như trong một hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, về nghĩa vụ vận tải các bên có thể thỏa thuận lựa chọn áp dụng INCOTERMS, nghĩa vụ thanh toán có thể lựa chọn theo UCP, hoặc các quyền và nghĩa vụ khác sẽ được điều chỉnh bởi luật quốc gia bên bán hoặc bên mua nhất định... Ngoài ra, pháp luật Việt Nam cũng chưa có quy định về thời điểm lựa chọn luật áp dụng, liệu các bên có quyền thỏa thuận chọn luật áp dụng trước khi ký hợp đồng hay cả khi thực hiện hợp đồng hay khi đã phát sinh tranh chấp...? Tại khoản 6 Điều 683 Bộ luật Dân sự

2015 có quy định cho phép các bên có quyền thay đổi pháp luật áp dụng đối với hợp đồng, “... nhưng việc thay đổi đó không được ảnh hưởng đến quyền của người thứ ba được hưởng trước khi thay đổi pháp luật áp dụng, trừ trường hợp người thứ ba đồng ý”. Quy định này cũng chưa hoàn thiện, ví dụ trong trường hợp các bên có sự thay đổi luật áp dụng và sự thay đổi có thể dẫn tới sự không thống nhất trong chính các quy định của hợp đồng thì có được phép thay đổi luật áp dụng hay không? Bộ luật Dân sự 2015 cũng chưa làm rõ được vấn đề này.

Để hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này, các văn bản pháp luật khác cũng nên quy định mở rộng sự công nhận hiệu lực về hình thức hợp đồng có yếu tố nước ngoài theo hướng thừa nhận hình thức hợp đồng có thể được chứng minh bằng mọi cách, trừ một số trường hợp ngoại lệ (các ngoại lệ này cũng cần được cụ thể hóa trong luật trong nước, ví dụ như có quy định cụ thể loại hợp đồng nào cần được công chứng, chứng thực, được phê duyệt...) phù hợp với các quy định của Công ước Viên 1980, không nên bó hẹp yêu cầu bằng văn bản như quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay vì có thể tạo ra hậu quả là một hợp đồng có hiệu lực theo pháp luật nước ngoài nhưng vô hiệu theo pháp luật Việt Nam, tránh để hợp đồng vô hiệu do sự xung đột pháp luật các nước. Quy định mở rộng việc công nhận hiệu lực hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế (CISG) là nhằm đảm bảo quyền lợi cho bên trung thực, thiện chí thực hiện hợp đồng trong quan hệ thương mại quốc tế. Cụ thể, tránh để hợp đồng vô hiệu do sự xung đột pháp luật các nước. Tóm lại, với quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành có thể dẫn đến việc thực hiện quyền lựa chọn luật áp dụng điều chỉnh hợp đồng tại Việt Nam có thể còn tồn tại nhiều khó khăn bất cập về cách hiểu, giải thích, áp dụng các quy định trong thực tiễn và chủ yếu phụ thuộc vào sự giải thích của cơ quan tài phán. Do vậy, việc đảm bảo thực hiện quyền của các bên trong quan hệ hợp đồng vẫn tiềm ẩn những rủi ro và cần tiếp tục hoàn thiện trong các quy định của Luật Tư pháp quốc tế trong tương lai.

## 6. Kết luận

Do tính phức tạp của các quy định trong lĩnh vực Tư pháp quốc tế, nên đến nay Việt Nam chưa xây dựng được luật riêng về Tư pháp quốc tế, vì thế các quy định về xác định luật áp dụng tiếp tục được hoàn thiện trong phần V Bộ luật Dân sự 2015. Bài viết đã tập trung đánh giá, bình luận các quy định về luật áp dụng đối với hợp đồng tại Điều 683. Việc nghiên cứu, nhìn nhận, đánh giá như ở trên có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn nhằm thực thi có hiệu quả các quy định này trong hiện tại và tạo tiền đề cơ sở pháp lý tốt đẹp cho việc sẽ xây dựng và ban hành đạo luật Tư pháp quốc tế Việt Nam trong tương lai. Bài viết có tính chất nhìn nhận và gợi mở, phân tích và đánh giá lại điều luật trong thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy và thực hành quan hệ pháp luật đó trong thực tế đời sống. Tác giả trân trọng tiếp thu những ý kiến góp ý và bổ khuyết của quý vị!

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ luật Dân sự 2015.
2. Luật Thương mại 2005.
3. Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi, bổ sung 2009.
4. Luật Chuyển giao công nghệ 2017.
5. Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 31/03/2016 về nhượng quyền thương mại.
6. Bùi Thị Thu (2009), “Vấn đề bảo lưu trật tự công trong Tư pháp quốc tế Việt Nam”, *Sách chuyên khảo Pháp luật Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, Nxb Công an nhân dân.
7. Ngô Huy Cương (2008), “Tự do ý chí và sự tiếp cận tự do ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay”, *Tap chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 115, tháng 2.
8. Bùi Thị Thu (2015), “Một số kiến nghị hoàn thiện quy định về việc xác định luật áp dụng điều chỉnh nội dung hợp đồng quốc tế trong dự thảo Bộ luật Dân sự 2015”, *Tap chí Khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội*, tháng 11.
9. Bùi Thị Thu (2016), *Luật áp dụng điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Trần Thị Nguyệt (2018), “Khi các bên trong hợp đồng không thỏa thuận chọn luật áp dụng”, *Tap chí Kinh tế và Phát triển*, số 257 (II), tháng 11.
11. Trần Thị Nguyệt (2018), “Về vấn đề áp dụng pháp luật nước ngoài và xác định nội dung pháp luật nước ngoài ở Việt Nam hiện nay”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Pháp luật kinh doanh trong hội nhập, Hà Nội, tháng 11.
12. Nguyễn Minh Hằng (2006), “Một vài suy nghĩ về việc áp dụng Công ước Viên 1980 về mua bán hàng hóa quốc tế”, *Báo Diễn đàn doanh nghiệp*, số 11 và 12.